

# KHỐC MỘT DÒNG SÔNG

Phạm Tín An Ninh

Thức dậy cùng em thưở ấu thơ  
Tiếng con tu hú gọi vang bờ  
Dòng sông tuổi nhỏ trôi đi mất  
Còn bãi sông buồn đứng ngẩn ngơ  
Khánh-Hà

Tôi được sinh ra và lớn lên ở một làng quê trù phú thuộc tỉnh Khánh Hòa. Không ngờ với cái tuổi của mình, tôi lại phải trải qua nhiều đổi thay của đất nước. Ngay từ nhỏ tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc thăng trầm, thịnh suy của làng quê cũng như gia tộc.

Đúng là tôi được sinh ra *không phải để chào đời mà để nhìn đời bằng ba tiếng khóc*. Mẹ sinh tôi trong một cánh rừng khi cùng bà con đi chạy giặc. Ba năm sau mẹ qua đời, cũng là lúc cha tôi đang dạy học ở Trường Pháp Việt, bị Việt Minh bắt đưa ra Liên Khu Năm làm công tác “*xóa nạn mù chữ*”.



Từ đó tôi khác gì đứa bé mồ côi. Ông bà nội đem tôi về nuôi và cứ thế tôi dần lớn lên bằng giọng hát ru hời trong vòng tay yêu thương của bà cô Út. Vậy mà quãng thời thơ ấu trôi qua êm ả đến nỗi tôi chưa từng cảm nhận được nỗi bất hạnh của một người không hề có “*bông hồng cài áo*”.

Chung quanh nhà nội tôi đều là bà con trong gia tộc. Một gia tộc đông đảo, có thể giá trong làng, trong tổng. Đặc biệt nhất là gia đình bà nội Bảy, chị ruột ông nội tôi, vừa giàu có lại vừa đông con nhiều cháu. Trạc tuổi tôi cũng gần hai mươi đứa. Tôi lớn lên theo những tháng ngày vui đùa nghịch ngợm cùng với bao điều lạ lẫm mà tôi không làm sao hiểu nổi. Cùng là chị em ruột, bà nội Bảy tôi lại giàu có, còn ông nội tôi, thứ tám, lại bình thường, tuy không tệ lắm.

Ngay từ lúc còn nhỏ, tôi đã nghĩ là trong thế giới nhà giàu có biết bao nhiêu điều khó hiểu. Bà nội Bảy có ba người con trai, tôi gọi bằng bác. Ông con cả, tôi gọi bác Hai, thì theo Nho học, mua một chức phẩm gì đó để đủ cho mọi người trong làng trong tổng nể nang, ở nhà làm giàu bằng chính của cải ruộng đất được cha mẹ chia phần cho con trai trưởng. Ra khỏi nhà ông luôn mặc áo dài the, đội khăn đóng và cặp nách cây dù đen. Ông bác thứ năm, không hiểu cơ duyên nào, từ một vùng quê, lại được sang Tây học đến bác sĩ. Học xong, ông không trở về quê mà bị dụ dỗ, theo nhóm ông Tôn Thất Tùng ra miền Bắc làm bác sĩ cho “cụ Hồ”. Ông đi, không những bỏ lại làng mạc quê hương, cha mẹ anh em, mà còn một bà vợ trẻ đẹp, con nhà danh giá, mới làm đám cưới vài tháng trước ngày lên đường du học, và cô con gái mà ông chưa bao giờ thấy mặt. Ông bác thứ mười, con út của bà nội Bảy tôi, có bằng Diplôme, đang dạy học thì bỏ vợ và ba người con nhỏ lại cho ông bà nội Bảy, dẫn theo hai đứa cháu, con ông bác Hai, tôi gọi là anh Tư Châu và anh Năm Quan, cũng vừa đậu Diplôme, ra Liên khu 5 hoạt động cho Việt Minh. Vài năm trước khi có hiệp định Genève, ông bỏ bung, dắt về một đứa cháu, anh Tư Châu, và một bà vợ mới, là một nữ “đồng chí” của bác. Còn người cháu kia, anh Năm Quan, thì ở lại trên núi, nghe nói giữ một chức gì đó khá lớn trong hàng ngũ Việt Minh.

Cái lý tưởng mà bác Mười tôi theo đuổi kết cuộc lại là nỗi đau của bà bác gái. Vì ngày đón chồng về cũng là ngày “dang dở đời em”. Lúc nhỏ, tôi ngu ngơ không hiểu cái tình

đồng chí nó là cái quái gì mà ghê gớm thế. Bà vợ nhỏ mà ông bác Mười dốt về, vừa quê mùa vừa ít học và nhất là xấu gái hơn bà bác lớn, da lại vàng vì sốt rét, vậy mà sau cả hai tuần, ba tôi, là anh em cô cậu nhưng cũng là bạn chí thân cùng tuổi cùng lớp rất thân thiết với bác Mười, làm công tác hòa giải, rồi hơn một tuần ông bà nội Bảy và cả ông bà nội tôi ngồi ghế “chánh án” và “phụ thẩm”, mà phiên tòa gia tộc cũng chỉ đưa tới một kết quả bi thảm. Ông bác Mười bảo bà này đã cứu ông thoát chết nên không thể quên ơn bội ước, tuyên bố vì danh dự gia đình và để tránh cho bà vợ lớn khó xử nên ông quyết định đưa bà vợ mới này vào Ninh Hòa, một huyện kế cận, lập tổ uyên ương. Bà bác Mười gái, vừa đẹp người vừa phúc hậu, không muốn phiên lụy gia đình chồng, xin lạy ông bà nội Bảy ba lạy rồi dắt hai đứa con gái lớn về quê ngoài Tu Bông, còn đưa con trai út, phục tùng mệnh lệnh của ông bà nội Bảy, đành phải để lại cho ông bà nuôi nấng. Khi bà bác gái đến chào từ giã ông bà nội và ba tôi, thấy bà khóc mà tôi cũng động lòng. Sau này bà vẫn ở vậy nuôi con nên người cho đến lúc qua đời với tuổi 73.

Riêng trong gia đình ông bác Hai, cũng có quá nhiều điều, mà lúc ấy tôi không tài nào hiểu được, mặc dù ba tôi đã mấy lần ngồi giải thích cho tôi nghe.

Như tôi đã kể, bác Hai có người con thứ năm, theo ông chú Mười ra Liên Khu Năm, rồi ở lại giữ một chức khá lớn trong hàng ngũ Việt Minh, nhưng người con trưởng nam của ông, tôi gọi là anh Ba Tấn (là anh ruột của anh Năm Quan), nhờ theo ông chú Năm vào Sài Gòn học, có bằng Tú Tài Pháp, nên mới 26 tuổi đã làm đến chức chánh tổng, có lúc kiêm luôn cả chức tri huyện. Huyện Vạn Ninh của tôi lúc ấy được chia làm hai Tổng: Tổng Phước Tường Nội, lớn và sầm uất hơn, từ ranh giới Ninh Hòa, cho đến sông Gốc, gồm cả hạt Vạn Giã; còn Tổng Phước Tường Ngoại chỉ gồm Tu Bông đến Đèo Cả, ranh giới tỉnh Phú Yên. Anh Ba Tấn làm chánh Tổng Phước Tường Nội, quyền uy một cõi.

Có một thời gian anh Năm Quan thường lên lút về nhà thăm gia đình, lấy lương thực và hoạt động kết nạp thêm những đồng chí trẻ. Anh về ban đêm, rồi ẩn trong căn nhà

thờ trên của bác Hai, đầy các bàn thờ, bài vị và lúc nào cũng đóng kín cửa . Mấy năm an toàn, vì nhà cha mẹ của ông chánh tổng thì có lính khố đỏ khố xanh nào dám đến. Nhà Bác Hai nằm cạnh nhà ông nội tôi, chỉ cách một khu vườn và cái cầu ván bắt qua con mương nhỏ. Tôi còn nhớ, lúc ấy tôi chừng bảy, tám tuổi, có mấy lần anh Năm sai đứa cháu gọi tôi sang gặp anh. Anh đẹp trai, lúc nào cũng mặc bộ bà ba trắng, ăn nói nhỏ nhẹ dễ thương. Anh đọc mấy bài thơ tiếng Pháp cho tôi nghe. Biết tôi mất mẹ, anh thường đọc bài *Ceux que j'aime*. Đến bây giờ tôi vẫn còn thuộc lòng mấy câu :

*J 'aime maman, qui promet et qui donne*

*Tant de baisers à son enfant*

*Et qui si vite lui pardonne*

*Toutes les fois qu 'il est méchant”.*

Anh còn vẽ cho tôi hình mấy con chim sẻ rất đẹp, và kể cho tôi nghe chuyện ông Mạc Đình Chi đi sứ bên Tàu với bức tranh chim sẻ đậu cành trúc, cành mai. Anh cũng kể cho tôi nghe chuyện anh hùng của những chàng trai nước Việt, mà sau này cứ mỗi lần nhìn thấy hình ảnh “*Tuấn - chàng trai nước Việt*” trong báo Phổ Thông của ông Nguyễn Vỹ, là tôi lại nhớ đến anh.

Lúc ấy tôi cứ tưởng anh Năm Quan đặc biệt thương tôi vì thấy tôi mồ côi mẹ, phải sống với ông bà nội, nhưng sau này, khi lớn lên một chút, tôi nghĩ là anh ấy muốn dụ dỗ tôi trở thành một đồng chí trong đội “thiếu niên tiên phong” của anh. Bây giờ có lúc nghĩ lại, tôi hứ vía, nếu anh không bị “ghi công” sớm, biết đâu hôm nay tôi đang là đồng chí trong ban bí thư của một tỉnh, hoặc chí ít là của một huyện nào rồi, tha hồ bán đất, bán nước, bán đảo làm giàu và đè đầu cỡi cổ nhân dân! Nhẹ nhất, tôi cũng sẽ mang cái tội làm điếm nhục gia phong!

Vào một đêm khuya, khi tôi đang ngủ say cùng ông bà nội, thì giật mình vì tiếng súng nổ. Bà nội dắt tôi chạy trốn sau mấy vựa lúa. Tôi nghe cả tiếng đạn chát chúa trong vách, trên cửa, và cả tiếng rơi vỡ của đồ vật trong nhà. Tất cả yên lặng, bà Cô Út giữ tôi và lấy tay che miệng tôi, làm dấu

không cho tôi nói. Một lúc, tôi nghe bên ngoài có tiếng chân người và họ nói tiếng Tây. Sáng ra, im tiếng súng, cả nhà ra xem. Mọi người thất sắc khi thấy hơn mấy chục vết đạn xuyên qua cánh cửa và thùng cái giường bằng ván gụ mà ông bà nội và tôi thường nằm. Mỗi đêm trưa, khi tất cả hoàn toàn yên tĩnh, ông chú tôi, dạy học dưới huyện, chạy về báo là “Tội nghiệp thằng năm Quan, con anh Hai, đại đột theo Việt Minh, bị lính Tây phục kích bắn chết hồi khuya, ngay phía trước nhà mình”. Tôi có hiểu gì đâu, lấy mấy tấm hình anh vẽ con chim sẻ cho tôi ra xem, lòng buồn và tội nghiệp anh vô cùng. Tôi hỏi bà cô Út, tại sao Tây nó lại bắn chết em của ông chánh tổng? Cô tôi giải thích một hồi, tôi vẫn lắc đầu không hiểu. Sau này nghe nói, bác Hai đã nhiều lần khuyên anh Năm Quan về hồi chánh để không gây khó khăn (và khó xử) cho ông anh chánh tổng, anh Năm có hứa nhưng chưa kịp làm thì đã bị bắn chết.

Một tuần sau, tôi đang chơi đánh vạ với mấy người anh em trong họ, thấy một toán lính khố xanh, mang súng ống, kéo đến nhà ông bà nội Bảy. Bọn tôi tò mò chạy đến xem. Bà nội Bảy vẫn ngồi chễm chệ trên bộ ván gụ trước hiên nhà. Người con gái út, tôi gọi là cô Chín đang tiêm trà cho bà. Ông quan quân khố xanh thì đứng khúm núm trước mặt Bà thừa bầm điều gì không biết. Bọn tôi chỉ nghe bà quát tháo: “mày có đốt thì chỉ đốt cái kho trống phía sau thôi, nếu để lửa nó bén qua ngôi nhà trên là bọn mày chết với tao”. Tôi lại trở mắt ra không hiểu nổi việc gì. Sau này ba tôi giải thích là vì bà nội Bảy có thằng cháu theo Việt Minh, nên Tây ra lệnh đốt nhà. Nhưng bà lại có đứa cháu đích tôn làm chánh tổng, nên đám lính khố xanh sợ, chỉ dám đốt cái kho cũ cho có lệ mà thôi. Dù trong lòng có đôi điều khó hiểu, nhưng cũng như mọi đứa con nít trong họ, tôi đâu có bận tâm tới chuyện của người lớn, của bên này hay bên kia. Bọn chúng tôi cũng gần hai mươi đứa. Do vai vế trong họ, có những thằng lớn tuổi phải gọi mấy ông nhỏ hơn mình vài tuổi bằng anh, bằng chú. Đôi khi đánh bi đá đé, mấy thằng lớn bị mấy ông anh, ông chú nhỏ chơi hiệp, cũng đành phải hậm hực

chạy về mét ông bà mà thôi. Xem vậy, chứ tôi cũng phục cái nề nếp của họ tộc nhà tôi lắm.

Có một buổi trưa hè, tôi không bao giờ quên, một đám hơn mười thằng rủ nhau ra sông Gốc tắm. Hò hét đùa giỡn đã đời, lúc lên bờ điểm danh thấy thiếu mất một thằng, lại là một thằng vai chấu. Người vừa lớn tuổi vừa lớn vai nhất trong bọn là anh ba Tri (sau này là Thiếu Tá Biệt Động Quân), con bà cô Chín, ra lệnh cho chúng tôi chia nhau đi tìm. Hai giờ sau, không kết quả. Anh dặn dò, về nhà không thằng nào được hé môi. Cả đám về ở biệt trong nhà. Cuối cùng anh hai Sách, là cha của thằng chấu mất tích, rước thầy đồng thầy pháp về gọi hồn. Tôi tò mò đi theo đám đông. Không hiểu đoán già đoán non thế nào mà ông thầy đồng bóng lại đi ngã đi nghiêng ra tới tận con sông Gốc và mò đúng ngay xác thằng chấu nằm kẹt dưới gốc một bụi tre dưới lòng sông. Lúc ấy tôi phục mấy ông thầy đồng thầy pháp vô cùng.

Đám tụi tôi cùng học trường làng, rồi trường huyện. Lúc ấy muốn học lên đệ thất phải khăn gói vào tận Nha-Trang. Vậy là đám tôi như nhận lia bầy. Chỉ cha mẹ thằng nào khảm khá mới có khả năng cho con mình đi làm sĩ tử. Sau này, có đưa vào quân đội lên chức này chức nọ, có đưa làm giáo sư, bác sĩ, công chức, nhưng cũng có đưa là nông dân chân chính, quanh năm soi mặt với ruộng đồng. Lâu lâu có dịp về phép, mấy ông quan lái xe jeep chở mấy ông anh, ông em thầy giáo, nông phu vào thành phố rong chơi. Thằng nông dân nào đến tuổi “*đi quân dịch là thương nòi giống*” thì có ngay mấy thằng anh em làm quan xin nhận về đơn vị chờ che. Vậy mà trời thương. Cho tới khi cuộc chiến kết thúc, chỉ có vài thằng nằm lại trên chiến trường, dù hầu hết đều là lính đánh đấm, mà lại ở trong mấy binh chủng mũ nâu, mũ đỏ. Nhưng sau tháng 4/75, khi không còn chiến tranh lại là lúc đời bi thảm nhất. Bỗng dưng mấy thằng làm quan, làm công chức lớn hồi xưa bị bắt đi tù, nhiều thằng bị đám man rợ “*bên thắng cuộc*” cướp mất nhà, tay trắng, được mấy ông anh em nông dân thấy tội nghiệp mà cho tiền cho của. Chí ít

là trước ngày đi vào tù cũng được đãi đằng một bữa thịt gà rượu nếp. Ba tôi, chỉ là một ông thầy giáo dạy trường Pháp Việt lúc xưa, sau này có thời làm Chủ Tịch Hiệp Hội Nông Dân của quận, đã về hưu hơn mười năm, được bà con gọi là “thân hào nhân sĩ”, vậy mà cũng bị một thằng học trò cũ học dốt bỏ trường “nhảy núi” về, dắt theo mấy thằng “cách mạng 30” đến tận nhà còng tay ba tôi bắt ông vào tù. Tuổi già sức yếu lại bị hành hạ đói khổ, ông bị chết trong tù đúng một năm sau, khi tôi đang ở một trại tù khác tận vùng Việt Bắc.

Lúc này ông bà nội Bảy đã qua đời. Chỉ còn có ông bác Hai ở lại để chứng kiến bao đổi thay thời cuộc, kéo theo những thăng trầm của một dòng họ đông đảo, giàu có một thời. Ông được chính quyền “cách mạng” mời lên huyện nhận cái bằng có lộng khung “Tổ Quốc Ghi Công” cho người con thứ năm theo Việt Minh bị Tây bắn chết, và nhận luôn danh hiệu “Gia Đình Liệt Sĩ” về treo tòn ten trên vách. Nhưng chỉ sau đó vài tuần, người con cả, trước kia làm chánh tổng, sau này vào quân đội, mang đến cấp trung tá, đã về hưu từ năm 1970, bị bắt vào tù, rồi chết tức tưởi chỉ sau ba tháng, vì bị tra tấn đánh đập, đói rét. Trại tù, “thực hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của đảng”, báo cho người nhà đến mang người bệnh nặng về nuôi, nhưng khi đến nơi chỉ còn là cái xác khô đét lạnh tanh!

Tội nghiệp ông bác Hai, tuổi gần 80, vừa mới nhận cái bằng “Tổ Quốc Ghi Công” và danh hiệu “Gia Đình Liệt Sĩ” đồ lôm, bây giờ lo đi chôn người con trai trưởng, rồi sống cô đơn trong tuổi già khốn khổ, có những ngày phải ăn cháo thay cơm. Vài tháng sau, ông bị mất trí, lúc nhớ lúc quên, lúc khóc lúc cười ngơ ngơ, ngẩn ngẩn.

Hơn một năm sau, vào một buổi sáng “*đầy sương thu và gió lạnh*”, “lãnh đạo chính quyền cách mạng” trên tỉnh, dưới huyện, đến tận nhà thăm bác Hai, tặng ba ký gạo, vài thước vải và một hộp sữa. Bà con trong họ chưa biết vì sao bác Hai bỗng dưng được hưởng ơn mưa móc, thì sáng hôm sau, “xe con”, cán bộ, bộ đội đến đầy nhà bác. Mọi người ngẩn ngơ khi biết là ông em thứ năm của bác, ông Năm Giảng, hồi xưa

đi học bác sĩ tận bên Tây, rồi mắt tích luôn, tưởng theo bà đảm nào trốn biệt, về sau chẳng còn ai nhắc đến, không ngờ vẫn còn sống và trở về lại hôm nay, dắt theo bà vợ Bắc Kỳ. Nghe nói nhờ là bạn học với BS Tôn Thất Tùng, nên ông được cho một chức gì đó và từng làm bác sĩ riêng cho “bác Hồ”. Lúc ấy đám tụi tôi còn nằm trong tù, đâu có biết chuyện “*vui sao nước mắt lại trào*” này. Sau này hỏi lại ông anh họ, lúc trước là giáo sư, con của ông bác Mười. Anh kể lại cái cuộc trùng phùng này sao mà bi thảm quá. Dường như hai anh em già, tóc trắng phau, chỉ ôm rồi nhìn nhau mà không nghe nói một điều gì. Không biết có phải vì bị mất trí mà ông anh nhìn ông em ruột thịt của mình lạnh lùng, như đứng dung xa lạ. Sau đó ông em bác sĩ “cách mạng” chở ông anh cả trên chiếc “xe con” đi thăm mộ của cha mẹ, gia đình, và đến thấp hương trước mộ thẳng cháu đích tôn làm chánh tổng ngày xưa, sau này là trung tá Cộng Hòa, vừa mới bị chết trong tù. Đứng trước các mộ bia, ông bác sĩ vô thần đều thì thầm với những người đã khuất. Nhưng không ai nghe được là ông đã nói điều gì, nhất là với anh em con cháu đã chết dưới tay những đồng chí của ông. Cho xe đi một vòng quanh làng, ông quay trở lại nhà từ đường, một mình lẳng lẳng ra đứng ngắm khu vườn sau, nơi mà ngày xưa lúc còn bé, ông thường chơi đùa với anh em. Cây cối ngày xưa sum sê giờ cũng ủ rũ, điêu tàn. Trở vào nhà, ông ngồi trầm ngâm khá lâu trước cái bàn cũ tróc hết nước sơn, nơi ông đã được học những bài học khai tâm. Ông thấp một nén hương trên bàn thờ rồi chào mọi người, ra đi. Bà vợ ông móc bóp cho bác Hai mấy hộp thuốc Tây và một ít tiền. Nghe nói ông đưa gia đình từ ngoài Bắc vào sống ở Sài Gòn. Sau ba năm kể từ lần tìm về làng quê hôm ấy, ông qua đời. Không biết mồ mả ở đâu. Trước lúc lâm chung ông có ân hận, trần trối điều gì, như mấy ông bạn Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo? Và cũng không ai biết là ông đã có gặp chị Lan, đưa con gái ông bỏ lại trong Nam lúc còn nằm trong bụng mẹ, có chồng trung úy Sư đoàn 23, tử trận trên Kontum trong “mùa hè đỏ lửa”, cùng bà vợ đâu, mặc dù chồng vẫn còn sống mà đã trở thành góa bụa từ thuở mới hai mươi. Bây giờ người con gái góa



chồng đang buôn tảo bán tần ở đâu đó để nuôi bà mẹ già, cô đơn mòn mỏi gần suốt cả một đời người.

Sau này, lần lượt đám con cháu tụi tôi ra tù, toi tã, mỗi thằng một cảnh long đong. Tất cả đã trở thành vô sản. Một số bị đưa về “quản chế” tại nơi sinh quán. Bọn tôi lại gặp nhau trên con sông Gốc ngày xưa, nhưng không phải để bơi lội hay nô đùa, mà “*lao động để vinh quang*”, đào đất, đắp đê ngăn sông làm thủy lợi, dưới sự hò hét của mấy tay vô lại, dựa hơi đám bà con tập kết về, vừa lên nắm chính quyền. Giờ nghỉ trưa, bọn tôi ngồi giữa đám du kích cầm súng vây quanh, không ai dám nói “*chuyện linh tinh*” mà chỉ nhắc lại chuyện thằng cháu chết đuối ngày xưa, cũng ở chính nơi này.

Rồi mấy ông tù “cải tạo” lần lượt vượt biên, ra đi theo diện H.O., tha hương lưu lạc bốn phương trời. Mấy ông anh em nông dân ở quê nhà, bây giờ không còn làm chủ một tấc đất, mà được làm chủ tập thể, nghèo lại nghèo hơn. Vài năm sau, mấy ông anh em từ “khúc ruột ngàn dặm” chung góp tiền bạc gởi về cất lại nhà thờ họ, từ đường, xây mồ mả ông bà, chú bác, anh em, và giúp vốn “cứu đói” mấy ông anh em nông dân - bây giờ không những đã bạc mái đầu mà còn trắng cả đôi tay - đi tìm sinh kế khác. Kẻ mua địa nuôi tôm, người trồng cây điều hoặc chạy xe ôm.

Mười lăm năm sau ngày vượt biên, lần đầu tiên tôi về tìm



mộ thân phụ chết trong tù, chôn bên ngoài một trại “cải tạo” nằm sâu trong núi, vốn là một mật khu của CS ngày xưa, cải táng mang về chôn bên cạnh mộ má tôi, trong nghĩa trang gia tộc. Tôi đi một vòng thăm lại làng quê trù phú một thời, giờ lạng lẽ tiêu điều, gặp

một ông anh họ, mà lúc nhỏ đánh bi, đẽo vụn hay nhất trong

bọn, cũng là một thầy giáo bị “tháo giày”, mất dạy ngay sau ngày mất nước, rủ tôi ra địa tô, xem “thành quả” ông làm ăn nhờ tiền của mấy thằng anh em gốc “lính Cộng Hòa” chúng tôi góp cho làm vốn. Anh ghé cái quán nhỏ đầu làng mua một xách bia SaiGon, đem ra địa nướng tô, hai anh em nhậu lai rai, rồi kể lại chuyện ngày xưa “vang bóng một thời” mà cùng ngậm ngùi, nuối tiếc.

Không ngờ cái địa tô của anh nằm ngay trên con sông Gốc, đúng vào cái nơi mà thằng cháu họ chết đuối, khi đi tắm sông cùng với cả đám bọn tôi, năm mươi năm trước. Con sông cả một thời tuổi thơ của chúng tôi không còn nữa. Người ta đã ngăn bằng một cái đập phía trên. Phía dưới đập chỉ còn là những cái địa tô, loang lổ đất.

Tôi đứng yên lặng trên bờ địa, miên man hồi tưởng dòng sông êm đềm năm xưa và những đổi thay mất mát của cả một quê hương, dòng tộc. Xa xa nơi cuối con sông, sóng biển đang thét gào phẫn nộ.

## **Phạm Tín An Ninh**

*(Viết trong ngày giỗ lần thứ 30 của Ba tôi. Ông đã chết trong trại tù “cải tạo” Đá Bàn vào tháng 6 năm 1976)*



# Chuyện ngắn ngắn 12

Nguyễn Văn Ngọc K26

Có một đạo, nhà hấn ở xóm Chùa Ông, Vũng Tàu. Trong xóm, hấn có thằng bạn tên Tuất, học chung hai năm lớp nhì, lớp nhất Trường Tiểu Học Thắng Nhì.

Mẹ Tuất mất sớm, ba nó lấy vợ kế nên nó có thêm hai đứa em, một trai, một gái và lâm vào cảnh di ghê, con chồng. Ba nó là phu xe ngựa chở khách, chở hàng. Ngoài hai buổi đi học, chiều về nó còn phải đi cật một gánh cỏ cho ngựa ăn đến tối mịt. Vì phải phụ việc nhà vất vả, nên vào lớp, nhất là buổi trưa, nó thường ngủ gà ngủ gật, đôi khi không thuộc bài, bị thầy phạt quỳ gối hoặc đánh roi vào đít!

Thì rớt tiểu học, không có tiền đi học trường tư, nó nghỉ luôn ở nhà, theo phụ việc trên ghe ra biển, lưới bắt tôm cá.

Về sau, nhà hấn dọn qua xóm khác rồi hấn vào học nội trú Trường Thiếu Sinh Quân nên mất liên lạc với Tuất.

Đầu tháng 2/1975, hấn đã là Biệt Động Phó Biệt Động 812 thuộc Lữ 81 BCND đồn trú tại căn cứ hành quân Suối



Máu, Biên Hòa. Bấy giờ, theo nhu cầu chiến trường, Liên Đoàn đang trên đà bành trướng thêm 8 biệt đội tân lập, nên đã tuyển mộ khá đông quân nhân từ các đơn vị khác. Một buổi trưa, hấn tình cờ gặp và nhận ra Tuất trong Câu Lạc Bộ của căn cứ, lúc đó nó đeo lon Trung Sĩ Nhất, vẫn dáng người thấp bé nhưng già dặn, phong trần.

Tuất cho biết, từ một Tiểu Đoàn Địa Phương Quân ở Bà Rịa, nó xin chuyển về đây để “đổi không khí”, đã đánh



giặc liên tục từ lúc nhập ngũ với cấp bậc binh nhì, bị thương nặng nhẹ đôi ba lần và vẫn còn độc thân.

Hấn rất vui khi gặp lại người bạn thiếu thời. Sau vài chai bia hội ngộ, hai thằng đi loanh quanh trong căn cứ, tâm sự. Đại khái, hấn đã nói với Tuất:

- “Mày chỉ gọi tao là Trung úy khi có mặt người khác, còn thì xưng hô mày tao, ông tui cho thân mật, dù gì tụi mình cũng là bạn cũ. Để rồi tao nói với Biệt Đội Trưởng của tao, coi có thể rút mày về với tao được không?”

Nhưng Tuất chưa về cùng biệt đội với hấn thì nước mắt. QLVNCH đánh tan hàng, cố gắng!

Ở tù về, hấn gặp thằng Đ., một người bạn cũng cùng thời tiểu học, cho tin:

- “Mày còn nhớ thằng Tuất? Nó vượt biên qua Mỹ cuối năm 1978. Không biết ở bên làm nghề gì mà nó gởi quà cáp về cho gia đình nó nườm nượp?”

Hấn mừng thầm cho thằng bạn may mắn, đã có cuộc sống tự do và đang ăn nên làm ra nơi xứ người.

Rồi đến lượt hấn cũng được Trời thương, cho trốn khỏi “thiên đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam” vào tháng 3/1983 và định cư ở Mỹ.

Một buổi tối cuối tuần giữa tháng 7/1989, hấn được người bạn thân mời đến nhà, nhậu lai rai đồ biển, nhân có hai đứa cháu họ của anh từ thành phố Biloxi, tiểu bang Mississippi ghé thăm. Họ theo tàu hành nghề chài lưới trong vùng Vịnh Mexico, mang biếu cho chú mình rất nhiều tôm, cá, mực, sò, ốc.

Và qua lời họ kể, hấn được biết thêm đôi điều về nghề biển của đồng hương, dọc theo bờ biển phía nam nước Mỹ. Nhiều người Việt có tiền, họ sắm tàu đánh cá khá lớn với trang cụ hiện đại, ra khơi cạnh tranh với dân bản xứ. Sóng nước hiểm nguy, công sức vất vả nhưng bù lại mỗi chuyến đánh bắt trúng đàn tôm cá, lợi nhuận của họ cũng rất khâm khá.

Trong vài chuyện vui giữa bữa nhậu, có một chuyện đã làm hấn để tâm, chú ý. Họ kể, trên tàu đánh cá mà họ đang “đi bạn” (đi làm công cho chủ tàu đánh cá, được phân chia công việc khác nhau tùy theo khả năng), có chú đó là cựu lính biệt kích 81 trước 75. Ông này rành chuyện biển cả, được chủ tàu tin tưởng, khoán trắng công việc như là một thuyền trưởng, nên tiền ăn chia thật hậu hĩnh. Tuy vậy, ông luôn cư xử hào phóng với em út và tận tình giúp đỡ những người mới bước chân vào nghề biển. Mỗi bận về lại đất liền để chờ đi chuyến khác, rảnh rỗi, ông thường gầy sòng nhậu tới bến! Có một lần cần mua chiếc xe mới, nhưng với bản tính lè phè cố hữu, ông chỉ mặc sơ sài, quần jean bạc màu, áo

thun cũ mềm và mang dép Nhật lẹp xẹp tới chỗ bán xe, hỏi mua. Tụi bán xe tưởng ông là dân vô gia cư đến xin tiền lẻ nên lơ là không thèm tiếp. Tới chừng ông móc túi, dơ ra một cọc tiền, chỉ chiếc Toyota đời mới, nói mua trả hết, tụi nó mới chung hứng, cười tươi “thưa ông, thưa ông” lia lịa!

Hắn linh cảm như đang nghe câu chuyện về người bạn năm xưa và mơ hồ một sự sắp đặt vô hình, để có bữa nhậu tối đó. Mà quả đúng như vậy, sau khi hỏi thêm vài chi tiết, hắn biết “ông thuyền trưởng” kia không ai khác hơn là thằng Tuất, rồi cuộc điện đàm viễn liên dài gần một giờ sau, đã đưa hai thằng bạn cũ như gần lại nhau trong gang tấc.

Sau này, mỗi lần chuyện trò, Tuất đều giục và hứa hẹn:

- “Rảnh, mầy chạy xuống tao chơi. Tao cho hải sản chất đầy xe, mầy chở về trên, ăn một nghỉ!”

Bận đi học, đi làm và lo bảo lãnh gia đình từ VN sang đoàn tụ, hắn chưa có dịp xuôi nam thăm thằng bạn cùng xóm thời niên thiếu thì bất ngờ nghe tin nó chết vì tai nạn say rượu lái xe, chỉ chừng hơn một năm, sau lần điện thoại đầu tiên.

Tuất mất, chỉ mới 44 tuổi, cũng chưa vợ con gì!

Cho đến bây giờ, mỗi dịp ăn lẩu đồ biển, hắn lại nhớ thằng Tuất với những lời mời gọi chân tình của nó, dù chưa có cơ hội “chất hải sản đầy xe”!

Và càng nhớ hơn vì có một lần nó đã nói:

- “Tao thì học hành chẳng ra gì, thua xa mầy, nhưng ngược lại, lúc nào tao cũng đi trước mầy một bước ở ngoài đời. Này nhé, tao sinh trước mầy, ra xã hội trước mầy, đi lính trước mầy, vượt biển trước mầy, đến Mỹ trước mầy, xài đô la trước mầy... có đúng không?”

Thằng Tuất nói không sai. Ngao du ở cõi vĩnh hằng, nó cũng đã đi trước hắn một bước thật dài!

# XUÂN ĐÃ TÀN CHƯA?

*Vi Vân*

*Có những mùa Xuân gợi nhớ thương,  
Hoa mai lá tả rụng bên đường.  
Nghe trong tiềm thức còn ghi dấu,  
Một buổi Xuân tàn bao vấn vương.*

Có những niềm đau, những nỗi buồn dù đã xa xôi bao nhiêu năm tháng cũng không thể nhạt nhòa trong tâm tư chúng ta. Đó là những mối tình buồn, những niềm đau khi mất người yêu dấu, đặc biệt người yêu là lính, nó sẽ sống dậy mãnh liệt khi có một tác động nào đó khơi dậy. Và cơn gió Xuân nhẹ làm những cánh hoa đào, hoa mai cuối vườn bay tán mạn đã làm tôi chợt xao xuyên, băng khuâng hồi tưởng lại những mùa Xuân cũ mà bụi thời gian chưa thể xóa nhòa trong tâm tưởng...

Vào một ngày đầu Xuân năm 1970 tôi được mẹ cho xuống thăm anh Hai tôi đang đóng quân ở Bạc Liêu. Ít khi được ra khỏi nhà và vì mong sớm gặp anh mình nên tôi quá vui mừng mà quên rằng giờ giấc khởi hành rất quan trọng. Tôi đi chuyến xe đò lúc 12 giờ trưa chạy tuyến đường Cần Thơ- Sóc Trăng- Bạc Liêu- Cà Mau. Khi xe đi đến giữa đường Sóc Trăng- Bạc Liêu thì quốc lộ 4 bị VC gài mìn, đắp mô phá đường nên xe cộ không còn lưu thông được nữa. Những hành khách chúng tôi cứ ngồi chờ, chờ mãi... Trời đã bắt đầu ngã bóng, hoàng hôn dần xuống, hành khách phải mượn xe đi ngược về thị trấn Sóc Trăng để tìm chỗ ngủ qua đêm. Một chị ngồi cạnh tôi tay ôm đứa con gái khoảng 5, 6 tuổi tỏ vẻ lo lắng, chị hỏi tôi:

Em định đi đâu vậy?

Em xuống Bạc Liêu để thăm anh của em vì anh là lính Sư Đoàn 21 Bộ Binh đang đóng quân ở đó.

Chồng chị cũng đóng quân dưới đó. Bây giờ không biết tính sao đây? Chị không muốn quay về vì chị từ Sài Gòn xuống, đã ghé Cần Thơ một đêm rồi.



Tôi nhìn chị thông cảm:

Em cũng không biết tính sao. Thôi chờ thêm chừng một giờ nữa xem thế nào rồi mới tìm cách chị ạ!

Ngồi đối diện

với chúng tôi là một người đàn bà ngoài ngũ tuần, gương mặt hiền hậu để có cảm tình, bà lên tiếng:

Chắc quốc lộ còn lâu lắm mới khai thông được. Hai cô chịu khó đi bộ một chút đến nhà tôi cách đây chừng vài cây số, gần quận lỵ nên cũng an ninh, mời hai cô đến đó tạm nghỉ đêm nay rồi mai đi tiếp tục. Chồng con tôi đều phục vụ trong quân đội cả các cô đừng ngại, và lại cũng đã hết xe về Sóc Trăng rồi.

Tôi và chị Tâm (tên người đàn bà có đứa con) bàn bạc nhau, không còn sự lựa chọn nào khác nên đành đi theo người đàn bà gọi là bác Năm đó. Chúng tôi đi trên con đê xuyên qua một thửa ruộng và sau đó dọc theo một con lộ đất đỏ, đi một đoạn khá lâu mới đến được nhà bác Năm. Đó là một căn nhà mái ngói, rộng rãi, khang trang. Trước nhà là một cây mai thật to, màu hoa vàng rực rỡ làm nổi bật căn nhà sơn xanh trong buổi chiều yên tĩnh nơi thôn dã. Bác Năm ân cần:

Mời hai cô vào nhà, tôi sẽ bảo cháu nấu cơm cho hai cô ăn, đừng ngại gì cả.

Tôi bước tới cửa và nhìn vào trong nhà... hai chân tôi bồng như dính chặt dưới đất không bước đi được, tay tôi run rẩy, một luồng khí lạnh chạy dài từ cổ xuống xương sống. Tôi nắm chặt tay chị Tâm để không bị té ngã vì...trước mắt tôi, ngay chính giữa nhà là một cái bàn thờ với 5 bức hình lớn của 5 người lính mặc quân phục rằn ri được đặt sừng sững,



đèn đuốc, khói hương nghi ngút, vài mảnh khăn tang trắng còn xếp trên đó.

Bác Năm nhìn thấy sự sợ hãi của tôi nên nói:

Không sao đâu cô ơi! Người chết rồi có làm gì được đâu, chỉ sợ ma sống thôi. Hồi này trên xe có nhiều người nên tôi không dám nói là chồng con tôi đã chết, sợ họ biết nhà mình toàn đàn bà góa bụa không được tốt lắm.

Tôi lấy lại chút bình tĩnh:

Xin lỗi bác, cháu sợ ý làm bác buồn nhưng đó là phản ứng tự nhiên của đứa nhát gan như cháu thôi.

Tôi hiểu mà.

Bác mời hai chị em tôi vào và lên tiếng gọi:

Con ơi, nấu cơm và làm đồ ăn để đãi khách nghe.

Có tiếng “ạ” và tôi thấy một người đàn bà trẻ trên đầu còn mang khăn tang tay bế đứa bé chừng một tuổi bước ra, một người khác lớn hơn trong chiếc áo màu tím hoa cà lên tiếng:

Đề con lo cho. Thím Lân đỡ con đi.

Lúc bấy giờ tôi mới dám nhìn lại trên bàn thờ, tẩm hình được đặt chính giữa là người cha, bốn người kia là trai trẻ, sao họ đều chết hết vậy? Một cảnh tượng thương tâm, tang tóc tôi chưa từng thấy. Ôi, chiến tranh tàn khốc và nghiệt ngã quá.

Bác Năm giải thích:

Chồng tôi đi lính Biệt Động Quân, các con tôi nổi chí cha



nên đều chọn binh chủng BĐQ cả, có đứa là quan, có đứa là lính. Một điều rất đau đớn cho gia đình tôi là trong vòng 3 năm mà 5 cha con đều bỏ chúng tôi đi hết, trong đó có hai đứa

còn độc thân. Giờ tôi còn một đứa con trai út 14 tuổi, hai con dâu và ba cháu nội nướng tựa nhau mà sống thôi.

Nghe bác kể tôi rung rung nước mắt. Tôi thật sự thán phục và kính nể bà mẹ Việt Nam này. Còn nỗi đau nào hơn khi

người chồng yêu mến cùng bốn người con trai ruột thịt của mình đã lần lượt nằm xuống cho quê hương, đã hy sinh vì lý tưởng tự do dân tộc? Họ là những anh hùng đã âm thầm hiến dâng máu xương cho tổ quốc, có mấy người nhớ đến? Có ai biết đến hoàn cảnh của người đàn bà đáng thương, đáng quý này? Sức chịu đựng phi thường của bà mấy ai sánh kịp? Bà phải cố ôm nỗi khổ, che giấu niềm đau, tự lấy mình làm điểm tựa cho con cháu bám víu vào mà sống. Ôi, không biết có bao nhiêu người vợ, người mẹ phải nhận lãnh số phận đắng cay trong cuộc chiến này như bác Năm?

Com nấu đã xong, bác mời tôi và chị Tâm vào ăn. Bác nói: Cá tôm là do thằng Út nhà tôi bắt, không phải tốn tiền mua đâu, hai cô cứ ăn tự nhiên nghe.

Bữa cơm miền quê khá thịnh soạn: một đĩa tôm càng kho tàu, một đĩa cá trê vàng nướng với nước mắm gừng, một tô canh chua cá lóc nấu với rau muống và một đĩa cải xanh luộc. Đang lúc chúng tôi chuẩn bị ăn cơm thì một anh lính bước vô, bác Năm lên tiếng:

Thái về rồi hả? Vô ăn cơm luôn đi cháu.

Anh lính rất tự nhiên:

Đạ, cháu qua thăm bác Ba mới về. Thật đúng lúc quá, cháu cũng đang đói đây.

Nói xong anh ngồi xuống ngay cạnh tôi không chút ngại ngùng, khách sáo. Anh gật đầu chào chị Tâm và tôi. Anh tự giới thiệu:

Tôi tên là Vĩnh Thái, bạn của thằng Lân là con bác Năm đây. Nghe tin bạn mất tôi vội tìm đến thăm nó. Rất tiếc là chỉ nhìn thấy hình nó mà thôi.

Đầu anh hơi cúi xuống, có lẽ xúc động nhiều, tôi thông cảm được nỗi lòng của anh. Tôi nhìn anh, một người thanh niên với dáng dấp phong trần dễ mến, có đôi mày rậm, đôi mắt sâu như chứa đựng nhiều nỗi lo âu, phiền muộn. Anh mang hai bông mai đen trên cổ áo và huy hiệu Sư Đoàn 9 Bộ Binh bên vai, huy hiệu này tôi đã nhìn thấy. Tôi hỏi anh:

Anh là lính thuộc Sư Đoàn 9 BB hả? Cậu tôi cũng cùng Sư Đoàn với anh đó, Trung Đoàn 16 của cậu đang đóng ở Vĩnh Long. Còn anh đang đóng quân ở đâu?

Tôi thuộc Trung Đoàn 14, Bộ Chỉ Huy ở Vĩnh Bình, vị Tiểu Đoàn Trưởng cho tôi đi phép đặc biệt hai ngày thôi, chiều mai tôi phải trở về đơn vị.

Tôi không dám hỏi gì thêm nữa. Bữa cơm tối với tôi và Thái không mấy gì thú vị, trừ chị Tâm. Sau đó bác Năm dọn chỗ cho chúng tôi nghỉ. Tôi và chị Tâm ngủ ở bộ ván bên trái bàn thờ, Thái nằm trên bộ đi-văng bên phải, chủ nhà ở phòng trong. Đêm đó là một đêm kinh hãi nhất trong đời, tôi làm sao ngủ được, vừa lạ nhà, lạ giường và hình ảnh 5 ông lính mặc đồ rằn ri cứ nhảy múa trước mắt tôi. Chị Tâm và cháu bé vì mệt mỏi nên đã ngủ say, bên kia tôi nghe tiếng thờ dài nhẹ của Thái, chủ nhà cũng im hơi, bật tiếng. Tôi kéo túi xách của tôi lại gần, mở ra lấy cái khăn lông che mặt lại để không nhìn thấy gì hết. Tôi cố sức chịu đựng và mong đêm sẽ qua mau, nhưng đêm như dài vô tận. Bỗng nhiên tôi cảm thấy lạnh và run bần bật, mồ hôi đầm đìa, nhưng đầu thì rất nóng hình như đang lên cơn sốt. Tôi thấy ngộp thở, sợ hãi, căng thẳng đến không thể chịu đựng được nữa, tôi bỗng òa khóc, lay mạnh chị Tâm:

Chị Tâm ơi, em sợ quá!

Chị Tâm vẫn say ngủ không chịu tỉnh dậy. Từ bên kia Thái vội vã chạy sang:

Cô làm sao vậy?

Tôi càng khóc lớn hơn:

Tôi ... sợ quá!

Thái bước đến bàn thờ cầm cây đèn dầu, khơi ngọn cao hơn mang đến gần tôi, nhìn thấy tôi khóc anh hỏi:

Cô không sao chứ?

Hình như tôi bị bệnh rồi.

Thái đưa tay sờ trán tôi rất tự nhiên rồi nói:

Đúng rồi, cô bị sốt cao. Cô theo tôi ra ngoài sân, ở đây có vẻ ngột ngạt quá.

Vừa nói Thái vừa kéo tôi ra trước nhà, đã có sẵn một cái ghế ở đó, Thái bảo tôi:

Cô ngồi xuống đây và chờ tôi một chút.

Thái lấy cái khăn lông của tôi đi vào trong nhà. Một lúc sau anh trở ra trên tay có ly trà nóng và chiếc khăn của tôi cũng

được ngâm nước ấm. Anh đưa khăn cho tôi lau mặt và bảo tôi uống ly trà nóng với viên thuốc anh cầm trên tay. Tôi ngạc nhiên hỏi anh:

Thuốc ở đâu vậy?

Tôi lấy trong ba-lô tôi vì lúc nào cũng có để phòng thân.

Tôi gật đầu cảm ơn anh, anh thật chu đáo. Anh lấy thêm một ghế khác và ngồi cạnh bên tôi, anh bảo tôi nên ngồi ở đây cho thoáng chờ thuốc có tác dụng sẽ khỏe lại. Anh bắt đầu kể chuyện cho tôi nghe, có lẽ anh đi đôn tâm lý để cho tôi quên đi cơn bệnh đang hành hạ tôi. Anh kể về Lân, bạn anh đang ngồi trên bàn thờ kia độ một tháng nay. Hai người là bạn học ở trường Phan Thanh Giản Cần Thơ. Sau này xa nhau anh vào trường Võ Bị Đà Lạt, Lân đi thụ huấn ở trường Bộ Binh Thủ Đức. Mỗi đứa một nơi nhưng vẫn còn liên lạc được với nhau vì vậy anh mới biết tin bạn mình đã anh dũng hy sinh trên chiến trường. Anh buồn bã nói:

Hôm nay tôi ngồi đây khóc nó, không biết sau này khi tôi nằm xuống ai sẽ khóc cho tôi?

Tại sao anh bị quan như vậy? Sao anh không nghĩ đến một ngày anh được thăng quan, tiến chức, anh sẽ là... một Tiểu Đoàn Trưởng, một Trung Đoàn Trưởng hay gì gì đó cao nữa...

Thái nhìn tôi:

Sao cô rành việc nhà binh quá vậy?

Vì cậu tôi, chú tôi, anh tôi đều là lính cả nên tôi thường nghe họ nói vậy mà.

Thái nhìn vào trong nhà rồi bảo tôi:

Cô hãy ngồi đây, tôi vào nhà nấu cho cô nồi cháo vì buổi tối tôi thấy cô ăn rất ít, giờ lại uống thuốc không tốt đâu.

Anh biết nấu sao? Hơn nữa đâu phải nhà anh, đừng làm phiền bác Năm.

Không có phiền đâu. Một giọng nói từ phía sau lưng đưa tôi làm tôi giật thót người. Nhìn lại là bác Năm, bác nói:

Bác đã thức dậy từ lúc nghe cháu khóc, nhưng thấy Thái lo được cho cháu nên bác không bước ra. Thôi bây giờ để bác đi nấu cho một nồi cháo cá.

Cháu không dám làm phiền bác.

Có gì mà phiền, ngồi đó chơi đi để bác lo.

Bác đi rồi, Thái hỏi thăm về tôi, tôi cho Thái biết tôi còn đang đi học, nhà ở đường... Vĩnh Thái cũng là dân Cần Thơ, ba mẹ anh có tiệm bán bánh, trà trên đường Phan Bội Châu, anh chỉ có một đứa em trai.

Con sốt của tôi đã hạ, tôi cảm thấy khỏe hơn nhiều. Đêm dần sáng, bầu trời không còn tối đen như mực, tôi có thể nhìn thấy cây mai vàng trước nhà với những cánh hoa còn ướt sũng sương đêm, long lanh, lấp lánh như giọt lệ của người con gái trong buổi chia ly.

Tôi buột miệng khen:

Cây mai này thật đẹp!

Thái thở dài:

Đẹp đến đâu rồi cũng tàn khi mùa Xuân đi qua, cánh hoa sẽ rơi rụng, màu vàng rực rỡ sẽ nhạt phai, làm sao bền vững được mãi.

Tôi hiểu được tâm trạng bất an, hoảng loạn của anh trong lúc này nên an ủi anh:

- Anh không nên nghĩ thế. Bây giờ hoa còn đẹp mình hãy chiêm ngưỡng, ca tụng nó đừng nghĩ đến ngày tàn Xuân hoa sẽ tàn theo. Hiện tại anh còn tráng kiện, dũng mãnh, kiên cường hãy tin tưởng, hãy hãnh diện với những gì mình đang có, đừng bi lụy, đừng nghĩ đến ngày phải nằm xuống như bạn anh. Hãy quên những gì đã nhìn thấy hôm nay, hãy giữ hình ảnh oai hùng, kiêu dũng của bạn anh trong tâm tưởng.

Thái nhìn tôi giây lát rồi chột mím cười:

- Cô nói đúng. Tôi là một người lính mà sự suy nghĩ không chừng chặc bằng cô bé sợ ma như cô. Cảm ơn cô đã đánh thức ý tưởng như mê ngủ của tôi.

- Cả hai chúng tôi cùng cười vì cảm thấy đã tìm lại tâm trạng bình thản của mình. Bác Năm cũng vừa bước ra:

- Cháo đã nấu xong rồi hai đứa vào ăn đi cho nóng.

- Cảm ơn bác.

Chúng tôi theo bác vào nhà, lúc đi ngang qua bàn thờ tôi không còn thấy sợ sệt nữa mà cảm thấy kính phục họ vô cùng. Tôi đứng lại lấy 5 cây nhang đốt cho 5 người tử sĩ và

khẩn vái xin các vị hãy ngủ một giấc thật bình yên trong thế giới không hận thù, không chém giết.

Trời đã sáng hẳn, chị Tâm cũng thức giấc. Sau buổi điếm tâm bằng cháo cá, chúng tôi từ già lên đường. Tuy tôi đã trải qua một đêm kinh hoàng nhưng cũng nhiều lưu luyến nên không nỡ rời chân. Anh Thái tiễn chúng tôi ra tận quốc lộ và đón xe cho chúng tôi, anh hẹn sẽ ghé qua thăm hoặc viết thư cho tôi. Xe chạy xa rồi tôi thấy anh vẫn còn đứng bên vệ đường nhìn theo.

\* \* \*

Ngày tháng trôi qua, mùa Xuân đã hết, những cánh mai vàng tả tơi rơi rụng để nhường chỗ cho những mầm non vừa trỗi dậy. Tôi nhớ về anh, người trai tôi quen biết trong một đêm kỳ diệu, một sự gặp gỡ tưởng chừng như mộng ảo, huyền hoặc như cơn mơ. Tôi mong đợi có một ngày anh đến thăm tôi, hoặc một lá thư xanh bất ngờ của anh. Tôi thấy mình thật vô duyên, mơ mộng hão huyền, mới gặp người ta một lần thôi vậy mà trông chờ gì đây chứ! Nhưng niềm ước mơ của tôi đã thành sự thật vì một ngày kia anh đã xuất hiện trước công trường tôi, ngỡ ngác hỏi thăm từng người, chặn hỏi bao nhiêu cô gái có ai biết Hà Như học năm thứ hai không? May mà anh gặp được Hoàng Yến, bạn tôi, nên nó mới kéo anh đến trước mặt tôi lên giọng: “ Ta giao Hoàng Tử lại cho cô nương nè”. Thật quá ngạc nhiên và vui mừng vì tôi không ngờ anh cũng quan tâm đến tôi như thế. Rồi những ngày phép quý báu của anh dành cả cho cô bé mới quen như tôi, anh chiều chuộng tôi mọi thứ, anh mua quà cho tôi thật nhiều. Tôi ái ngại:

- Anh đừng mua quà cho Như nhiều như vậy, Như không xài hết đâu. Hơn nữa tốn tiền anh quá.

Anh cười bảo:

- Tôi đi hành quân suốt tháng quanh năm, tiền lương của tôi không có dịp xài hết. Những khi dừng quân tôi thường cho mấy chú lính chút ít để họ mua đồ ăn với nhau. Ba mẹ cũng không cần tôi giúp đỡ nên tôi dư tiền, Hà Như đừng lo.

Tôi cảm thấy hình như chúng tôi đã đi quá xa tình cảm bè bạn sơ giao. Có một cái gì đó rất đậm âm, thân thiết ràng

buộc chúng tôi không nói được, không diễn tả được. Rồi trước ngày trở về đơn vị anh đã thú thật với tôi là anh đã yêu tôi, anh nói anh không nhầm lẫn, anh đã đắn đo, suy nghĩ và cuối cùng phải nói thật lòng mình dù tôi có trách móc, giận dỗi hay không thềm nhìn anh nữa anh vẫn phải nói ra điều đó. Tôi xúc động trước tấm chân tình của anh:

- Em không trách phiền anh gì cả. Thật ra từ ngày gặp anh trở về em luôn nghĩ đến anh, nghĩ đến nỗi băng khuâng, lo lắng, ưu tư của anh mà ái ngại vô cùng. Em muốn được chia sẻ cùng anh, muốn được nhìn thấy anh luôn vui vẻ, lạc quan và em cũng thấy...nhớ anh lắm.

Anh mỉm cười đưa tay kéo tôi vào lòng và vuốt nhẹ tóc tôi, hai đứa cùng nhìn nắng vàng đang trải dài xuống mặt đường loang loáng xác hoa rơi.

Chuyện tình chúng tôi bắt đầu từ đó. Anh đã dẫn tôi về nhà giới thiệu với mẹ anh. Bà quý mến tôi như cô dâu chưa cưới khiến tôi thẹn thùng và cũng cảm động vô cùng. Thời gian nghỉ phép của anh tuy ngắn ngủi nhưng chúng tôi đã có một đoạn tình dài diễm lệ khó quên. Bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu lời hứa hẹn, bao nhiêu mộng ước tương lai. Anh nói:

- Anh mơ một ngày tàn chinh chiến, anh sẽ được trở về nhà với một mái gia đình êm ấm bên người vợ hiền và đàn con xinh xắn, ngoan ngoãn.

- Người vợ ấy là ai vậy anh?

Anh tát nhẹ má tôi và nói:

- Là cô bé nhát như thỏ đế, sợ ma một cây đó.

- Ồ, anh chọc em hả? Không thềm chơi với anh đâu.

Tôi đắm vào ngực anh thỉnh thoảng làm anh la oai oái, chúng tôi thật vui trong niềm hạnh phúc vừa chọc đến.

Đêm cuối cùng của kỳ phép đó anh đưa tôi vào một quán café ca nhạc nằm trên đường Nguyễn Viết Thanh, một con đường yên tĩnh hắt hiu sầu với cơn gió đêm trở lạnh. Chúng tôi thả hồn theo những tình khúc chinh chiến buồn lê thê hay những bài hát nói lên niềm ước vọng của những người đang dẫn thân trong cuộc chiến. Họ mơ một ngày đất nước thanh bình, được giã từ vũ khí, trở về quê cũ sống đời hiền hoà trên quê hương:

“...Rồi có một ngày, sẽ một ngày chinh chiến tàn...Xin trả lại đây bỏ lại đây thép gai giăng với lũy hào sâu, lỗ châu mai với những địa lôi, đã bao phen máu anh tuôn rơi...  
Rồi anh sẽ đi em tìm thăm mộ bia kín trong nghĩa địa buồn, bạn anh đó đang say ngủ yên...Để có một ngày, có một ngày cho chúng mình, ta lại gặp ta...”

Anh đưa tôi về, chúng tôi lang thang qua những con phố im lìm, vắng lặng. Qua đường Nguyễn Trãi với hai hàng sao cao vút, lá thì thầm khóc chuyện chia ly, qua đường Hòa Bình thênh thang, dài hun hút...chúng tôi cùng ngồi trong công viên Tao Đàn nhìn bầu trời lấp lánh sao đêm. Anh kể cho tôi nghe về cuộc đời chiến binh ngoài trận tuyến, về những niềm vui nỗi buồn của anh em đồng đội. Đêm chia ly thật buồn, đêm tiễn đưa nhạt nhòa nước mắt.

Rồi anh trở về đơn vị, những lá thư nồng nàn yêu thương liên tục bay về. Má tôi hồng thêm, mắt tôi xanh thêm, môi tôi thẹn thùng e ấp...Nhiều đêm sau giờ học, ngồi dưới ngọn đèn khuya tôi cầm cùi viết thư gửi ra chiến tuyến “...Ngồi biên thư gửi anh chón đó, lạnh đêm nay lạnh không phải lạnh vì gió...Thư đến từng nẻo người qua vẫn non đôi câu vụng về, khi chưa được về đọc thư tình anh nhớ tôi không?...”

Lần về phép kế tiếp vội vã, tuyệt vời của anh đã tô đậm thêm, gắn bó thêm cho tình yêu chúng tôi tưởng chừng như thiên thu, bất diệt. Có lẽ chúng tôi có duyên với mùa Xuân nên kỳ phép này của anh cũng lại vào tháng Ba. Anh đã đưa tôi đi ra ngoại ô để nhìn hoa mai cuối mùa rụng rơi bay lá tả trên đường. Anh là một người lính đa sầu đa cảm, nhìn hoa rơi, lá rụng cũng thấy băng khuâng, xao xuyến tâm tư, nhưng tôi mến anh ở điểm đó.

Có lần anh nói:

- Em đừng tưởng anh lãng mạn, yếu hèn, nhút nhát nhé! Khi đánh giặc anh cũng oai phong lắm đó. Chỗ nào bảo lính không dám vô là anh xung phong vô trước, thế là các chú lính phải chạy theo anh thôi.



- Nhìn dáng vẻ của anh ai dám bảo anh không oai phong chứ! Với em anh là người hùng, là...

- Thôi đừng ca tụng anh nữa em ơi! Anh đưa tay bịt miệng tôi lại và hai đứa cười vang trong nắng đẹp của trời Tây Đô dạt dào ý sống.

Đó là khoảng thời gian đẹp nhất của chúng tôi. Tôi nâng niu từng kỷ niệm, chắt chiu từng lời nói yêu thương. Rồi anh lại ra đi, và tôi mãi là chinh phụ luôn ngóng trông về miền giới tuyến. Cho đến một ngày... một ngày đầu năm 1973 tôi ghé qua tiệm bánh nhà anh, mẹ anh báo tin anh đã mất tích trong một cuộc hành quân lớn ở quận Tiểu Cần thuộc tỉnh Vĩnh Bình. Trời đất quay cuồng sụp đổ, đầu óc tôi đảo điên, tim tôi nát tan từng mảnh vụn. Điều lo sợ, linh cảm không lành của anh ngày nào đã thành sự thật. Anh sợ mùa Xuân sẽ tàn mau, sợ hoa Xuân không kéo dài theo ngày tháng, sợ tình yêu vỗ cánh bay nhanh, sợ tuổi thanh xuân của anh không được trường tồn, sợ đường binh nghiệp nửa chừng gãy gánh... Tất cả điều lo sợ đó đã xảy ra rồi và tôi cúi đầu nhận lấy phần thua thiệt, nhận lãnh số phận thương đau. Tôi đã mất anh tin từ dạo đó. Tôi đã âm thầm khóc than mỗi tình đầu suốt bao năm tháng dài phiền muộn.

\* \* \*

Sau ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản tôi mất việc làm vì là “Công Chức Ngụy”, tôi theo bạn bè ra chợ trời để tìm sinh kế. Cuộc sống quay cuồng, vất vả ngược xuôi nên đôi lúc tôi không còn nhớ mình là ai, không còn nhớ những chuyện gì trong quá khứ trừ niềm đau xót, nhớ thương về anh vẫn âm ỉ trong tim tôi. Có một ngày vào tiết Thanh Minh, được rảnh rỗi đôi chút tôi đến thăm người cô ruột, cô rủ tôi xuống quận Phong Điền để tảo mộ cho vợ chồng người bạn thân. Thật tình tôi không muốn đi nhưng cô cứ nài nỉ mãi, sợ cô buồn và chính tôi cũng muốn tìm chút khuấy khỏa cho tâm hồn nên tôi bằng lòng theo cô một chuyến. Khi tới nơi cô dẫn tôi đến một gia đình có họ hàng với người bạn quá cố của cô và nhờ họ đưa đến nghĩa trang giùm. Đó là một nghĩa trang gia đình hiu hắt buồn, cô liêu hoang vắng, chắc ít ai quan tâm, thăm viếng. Có nhiều mồ mã bạc màu

rong rêu bao phủ, hàng sau cùng có ba nắm mộ, đặc biệt là ngôi mộ thứ ba chắc được xây chưa lâu lắm. Cô tôi ngồi trước một ngôi mộ rồi đưa tay lau nước mắt, ngôi mộ của bà bạn cô. Tôi nhìn hình của bà, có cảm giác hơi quen như từng gặp ở đâu nhưng bức ảnh mờ quá không nhận ra là ai. Đến ngôi mộ sau cùng tôi bỗng giật mình, biến sắc, mắt hoa lên khi nhìn bức ảnh và hàng chữ trên mộ bia:

“ Hoàng Vĩnh Thái.

Sinh ngày 8 tháng 7 năm 1945.

Từ trần ngày 9 tháng 1 năm 1978”

Tôi quy xuống nắm tay cô:

- Cô ơi, đây là bạn con, sao cô quen biết họ? Anh Thái sao mới chết vậy? Anh đã mất tích từ năm 1973 rồi mà.

Cô kéo tôi ngồi lại gần hơn, nhìn tôi một lúc rồi chậm rãi nói:

- Cô là bạn thân với mẹ Thái. Cả bà ấy và cô đều biết chuyện của con và Thái nên khi Thái bị thương mất hai chân bà nhờ cô giữ kín, nói rằng Thái bị mất tích, đó cũng là yêu cầu của Thái. Họ hy vọng thời gian lâu sau con sẽ quên Thái mà vui vẻ cùng người khác. Sau ngày 30 Tháng 4- 1975 cậu em của Thái chạy ra nước ngoài, dù cậu ấy đã mất tích trong một chuyến vượt biên, VC vẫn cho rằng gia đình Thái thuộc thành phần phản động nên đã tịch thu hết gia sản. Ông bà buồn rầu, đau khổ, chán nản mà lần lượt qua đời. Một người bà con xa có mang ơn nghĩa với gia đình Thái đã đem cha mẹ Thái về đây an táng và Vĩnh Thái cũng được họ đùm bọc. Cô biết chuyện nên cũng thường xuyên liên lạc giúp đỡ tiền bạc, thuốc men cho Thái. Một năm trước Thái bị chứng bệnh nan y, không đủ tiền chạy chữa, ngay cả cô cũng không giúp được nên Thái đã ra đi hơn hai tháng nay. Cô không dám cho con biết tin này sợ con không chịu được, nhưng cuối cùng cô cũng không thể giấu con mãi nên hôm nay cô mới dẫn con đến đây thăm mộ Thái.

Tôi đau đớn, bàng hoàng như kẻ rơi xuống từ cung trăng. Thật sự tôi đã khóc và lòng cũng đã để tang cho mỗi tình mình tự mấy năm nay, nhưng tôi đâu ngờ anh còn sống sót, sống đau khổ, vật vờ trong hoàn cảnh khốn cùng này. Tôi ân

hận vì đã không được lo lắng, chăm sóc cho anh, không được tâm tình với anh lần cuối, không nói được lời nào với một người mà hình bóng đã khắc sâu tận đáy tim tôi. Anh mơ ước một ngày đất nước thanh bình, anh sẽ già từ vũ khí trở về bên mái gia đình êm ấm, một khát vọng bình thường mà người chiến binh như anh không bao giờ tìm thấy. Thương Đế hỡi, sao đọa đày tuổi trẻ Việt Nam của chúng tôi thế này? Thái ơi! Từ đây em là kẻ lữ hành trên nẻo đường cô độc. Em sẽ lặng lẽ nhìn những mùa Xuân đi qua, nhìn những cánh mai cuối mùa bay tán mạn để nhớ để thương thật nhiều về những mùa Xuân cũ, những mùa Xuân có anh bên cạnh, mình cùng nhặt xác hoa vàng trong cơn gió nhẹ thoảng đưa.

- Tôi ngồi bên mộ anh rất lâu, một mình trong không gian vắng lặng của buổi chiều chậm xuống. Tôi không còn biết sợ hãi như ngày xưa, tôi có cảm giác anh đang lo lắng quan tâm cho tôi như một đêm nào trong căn nhà xa lạ:

- Không ngờ em đã 20 tuổi rồi mà còn sợ ma như cô bé 5 tuổi vậy.

Lời anh nói như còn phảng phất trong gió, trong mây. Tôi cảm thấy đau đớn và nhớ anh vô cùng, nhớ tha thiết, nhớ đến tan nát cõi lòng, nước mắt tuôn rơi là chảy. Tôi thấy mình thật cô đơn tội nghiệp, tôi thèm nghe những lời nói âu yếm yêu thương, thèm vòng tay nồng ấm và nụ hôn yêu dấu ngàn đời. Nhưng anh đã xa rồi, vĩnh viễn bỏ tôi giữa giòng đời ngập đầy chông gai, sỏi đá. Trời tháng Ba rồi sao hồng quang không chiếu sáng? Xuân đã tàn chưa mà hoa mai lá tả rụng rơi? Niềm hy vọng của tôi và của anh đã tan rồi, ước mơ đã chìm sâu theo bóng người đi vào thiên cổ. Đâu đây trong gió chiều có tiếng chim kêu sầu lẻ bạn, bơ vơ. Tôi thất thểu ra về, lạc lõng một mình trên con đường đất nhỏ buồn tênh...

“ ... *Mất anh rồi xa anh rồi hoa đã tàn nhụy đã phai. Chiều hôm nay trời thanh vắng em âu sầu anh ở đâu? Một người đi, một người sầu nhìn hoa úa rụng tàn mau...* ”

Cali. Xuân 2016. Vi Vân